

Số: 1519341

|                                                | New Mazda CX-8 2.5 Premium                     | New Mazda CX-8 2.5 Luxury                      |
|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>1.049.000.000đ</b>                          | <b>969.000.000đ</b>                            |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                                                |                                                |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4900 x 1840 x 1730                             | 4900 x 1840 x 1730                             |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2930                                           | 2930                                           |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5800                                           | 5800                                           |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 200                                            | 200                                            |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1770                                           | 1770                                           |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 2365                                           | 2365                                           |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 209                                            | 209                                            |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 72                                             | 72                                             |
| Số chỗ ngồi                                    | 7                                              | 7                                              |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước                               | SX-LR trong nước                               |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                                                |                                                |
| Loại động cơ                                   | SkyActiv-G 2.5L                                | SkyActiv-G 2.5L                                |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 2488                                           | 2488                                           |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 188 / 6000                                     | 188 / 6000                                     |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 252 / 4000                                     | 252 / 4000                                     |
| Hộp số                                         | 6AT                                            | 6AT                                            |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)                                | Cầu trước (FWD)                                |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson                             | Độc lập Mc Pherson                             |
| Hệ thống treo sau                              | Liên kết đa điểm                               | Liên kết đa điểm                               |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                                            | Đĩa                                            |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                                            | Đĩa                                            |
| Thông số lốp xe                                | 225/55 R19                                     | 225/55 R19                                     |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 12.91                                          | 12.91                                          |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 6.73                                           | 6.73                                           |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 8.75                                           | 8.75                                           |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | ●                                              | ●                                              |
| Chế độ lái                                     | Normal / Sport                                 | Normal / Sport                                 |
| Trang bị khác                                  | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao (GVC Plus) | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao (GVC Plus) |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                                                |                                                |
| Cụm đèn trước                                  | LED Projector                                  | LED Projector                                  |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                                              | ●                                              |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | Đèn thích ứng thông minh ALH                   | Đèn thích ứng thông minh ALH                   |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                                              | ●                                              |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | Mở rộng góc chiếu theo hướng đánh lái AFS      | Mở rộng góc chiếu theo hướng đánh lái AFS      |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                                              | ●                                              |
| Đèn sương mù                                   | LED                                            | LED                                            |
| Cụm đèn sau                                    | LED                                            | LED                                            |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                                              | ●                                              |
| Gạt mưa tự động                                | ●                                              | ●                                              |
| Cửa sổ trời                                    | ●                                              | ●                                              |

Trang bị khác

Đèn pha thích ứng thông minh ALH

Đèn pha thích ứng thông minh ALH

**NỘI THẤT - TIỆN NGHI:**

Vô lăng bọc da

●

●

Chất liệu ghế

Da Nappa Nâu Đỏ

Da Nappa Nâu Đỏ

Ghế người lái chỉnh điện

●

●

Ghế người lái có nhớ vị trí

●

●

Ghế hành khách phía trước chỉnh điện

●

●

Kính cửa sổ chỉnh điện

●

●

Màn hình HUD

●

●

Màn hình giải trí trung tâm

8"

8"

Kết nối Apple Carplay/Android Auto

● (Không dây)

● (Không dây)

Hệ thống điều hòa tự động

●

●

Số vùng khí hậu điều hòa

3

3

Cửa gió cho hàng ghế sau

●

●

Chìa khóa thông minh

●

●

Khởi động nút bấm

●

●

Hệ thống âm thanh

10 loa Bose

10 loa Bose

Phanh đỗ điện tử

●

●

Giữ phanh tự động Autohold

●

●

Rèm che nắng

Chỉnh tay

Chỉnh tay

Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX

●

●

**AN TOÀN:**

Số túi khí

6

6

Hệ thống chống bó cứng phanh ABS

●

●

Hệ thống phân phối lực phanh EBD

●

●

Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA

●

●

Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS

●

●

Hệ thống cân bằng điện tử

●

●

Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt  
TCS

●

●

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc  
HLA

●

●

Mã hóa chống sao chép chìa khóa

●

●

Hệ thống cảnh báo chống trọng

●

●

Cảm biến hỗ trợ đỗ xe

Trước/Sau

Trước/Sau

Hệ thống cảnh báo điểm mù

●

●

Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt  
ngang khi lùi

●

●

Hệ thống cảnh báo lệch làn đường

●

Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường

●

Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động

●

Hệ thống điều khiển hành trình

●

Hệ thống điều khiển hành trình thích  
ứng

●

Camera lùi

● (Camera 360)

● (Camera 360)